

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 11/3/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy Vân; ông Đinh Thanh Hải và ông Nguyễn Đức Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2020, tại Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2019/TLHS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo: **Nông Văn H**; (*Tên gọi khác: Không*); Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1986 tại huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn H4, sinh năm 1960; Con bà: Trần Thị L, sinh năm: 1963; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Hoàng Thị H2, sinh năm 1984, có 2 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 23/2011/HSST ngày 23/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã xử phạt Nông Văn H 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “ cố ý gây thương tích”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2019 đến nay, Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo (do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử): Bà Lê Thúy H3, trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên ; (có mặt).

*** Những người bị hại:**

1. Anh Lương Văn T, sinh năm 1991 (Đã chết).

2. Anh Lương Văn B, sinh năm 1990; Trú tại: Xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (mẹ đẻ anh T) (Có mặt).

2. Ông Lương Văn C, sinh năm 1963 (bố đẻ anh T) (có mặt).

Đều trú tại Xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

3. Cháu Trần Xuân B1 (tức Lương Xuân B1), sinh ngày 10/10/2019; Trú tại: Xóm TT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (là con đẻ anh Lương Văn T theo Quyết định số 01/2020/QĐDS – ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên về Yêu cầu xác định con cho cha.

Người giám hộ cho cháu B1: Chị Trần Phương T, sinh năm 1994; trú tại: Xóm TT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

Ông C, chị T đều ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Hoàng Thị H2, sinh năm 1984; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

2. Anh Phan Trọng H5, sinh năm 1983; trú tại: Xóm AT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

** Những người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 1980; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1971; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

3. Anh Lương Văn L1, sinh năm 1982; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

4. Anh Lương Văn A, sinh năm 1984; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

5. Anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 1982; trú tại: Xóm M, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1972; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

7. Anh Lương Văn M, sinh năm 1981; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

8. Chị Lê Thị H3, sinh năm 1976; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

9. Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 2000; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

10. Ông Nguyễn Hồng T4, sinh năm 1976; trú tại: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

11. Anh Đỗ Ngọc H5, sinh năm 1979; trú tại: Xóm TL, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 20/6/2019, Nông Văn H và anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1971 trú tại xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đi ăn đêm

tại quán hàng của chị Lê Thị H3, sinh năm 1976 là người cùng xóm thì gặp anh Lương Văn T, sinh năm 1991 và anh Lương Văn B, sinh năm 1990, cùng trú tại xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, anh T và anh B đã dùng tay tát vào mặt anh B2, còn H bỏ chạy được nên không bị đánh nhưng qua sự việc xô sát trên làm cho H thấy tức giận đối với T.

Tối ngày 21/6/2019, H mời anh B2 và anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 1982, trú tại xóm M, xã YL, huyện ĐT đến nhà H cùng ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 20 giờ 15 phút thì H, B2 và T3 mỗi người đi một xe mô tô để đến nhà B2 chơi. Khi đi H vào bếp lấy 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại dài 17cm, lưỡi sắc một bên cất giấu vào trong túi quần soóc bên phải mà H đang mặc và lấy tiếp 01 (một) con dao quắm bằng kim loại dài 47cm, lưỡi dao dài 17cm, bản rộng nhất 5,3cm mang ra để ở vị trí để chân bên phải của xe mô tô sirius của mình với mục đích để phòng thân, rồi điều khiển xe đi theo anh B2 và anh T3. Khi đi qua cửa nhà anh Lương Văn L1, sinh năm 1982 là người cùng xóm với H và B2 thì thấy anh Nguyễn Duy T2 (T2 Củi), sinh năm 1980, trú tại xóm QT, xã YL, huyện ĐT đang ngồi uống nước cùng với anh L1 ở bàn trước cửa nhà anh L1 nên H, T3 và B2 đi vào ngồi uống nước, nói chuyện với anh T2 và anh L1, sau đó khoảng 07 phút thì anh T3 đứng dậy đi về trước. Lúc này, H kể cho anh T2 nghe sự việc xô sát đánh nhau với anh Lương Văn T và anh Lương Văn B tối ngày 20/6/2019 nên anh T2 đã lấy điện thoại gọi điện bảo anh T đến nhà anh L1 để nói chuyện với mục đích để hòa giải giữa T, B với H và B2, còn anh B2 điều khiển xe máy về nhà cất.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày anh Lương Văn T và anh Lương Văn B đi xe ô tô đến đỗ ở rìa đường trước cửa nhà anh L1, rồi đi vào ngồi nói chuyện với H và anh T2. Lúc này H hỏi anh T và anh B *“Tại sao tối hôm qua các chú lại chửi và đuổi đánh anh”*; anh T nói *“Đấy không phải việc của anh”*, cùng lúc này H nhìn thấy anh B2 đi bộ từ ngoài đường vào phía sau lưng anh T với thái độ bức xúc, tưởng là anh B2 sẽ lao vào đánh anh T và anh B nên H đứng dậy đi đến vị trí anh B2 đang đứng, H dùng tay du đẩy anh B2 lùi lại phía sau và nói *“Ông về đi để anh em tôi ngồi nói chuyện”*, anh B2 không nói gì. Lúc này H đứng ngay sau lưng anh T và nói *“Anh với ông già anh có làm gì chú đâu mà hôm qua chú lại chửi anh, đuổi đánh anh và lòi cả ông già anh ra để chửi”*; anh T vẫn ngồi tại chỗ nói: *“Thích thì chửi thôi”*; bức xúc vì câu nói của anh T nên H đã dùng tay trái nắm giữ chặt khuỷu tay trái của anh T, đồng thời H cho tay phải vào trong túi quần soóc bên phải lấy con dao nhọn đã mang theo từ nhà đi (dài 17cm, lưỡi sắc một bên, rộng nhất là 2cm, phần đầu mũi dao nhọn) rồi vung dao đâm 02 (hai) nhát trúng vào ngực phải và bắp tay phải của anh T. Thấy anh T bị đâm, anh B liền xông vào ngăn lại thì bị H dùng dao nhọn đâm nhiều nhát về phía tay B để chống trả, H đã dùng dao đâm trúng vào vai trái, cánh tay trái và cẳng tay trái của anh B, tiếp đó anh B cầm chiếc điều cây (dài 74cm, đường kính 5cm có sẵn tại bàn uống nước nhà anh L1) đuổi theo và vụt về phía H nhưng không trúng. H bỏ chạy ra rìa đường thì T, B đuổi theo H đến vị trí gần đuôi xe ô tô của anh T thì bị anh T cầm phích nước sôi đập trúng vào thái dương bên trái của H, sau đó H tiếp tục bỏ

chạy, anh T cầm thắt lưng da đuổi theo được một đoạn thì bị gục ngã, nằm ở đường, sau đó được mọi người đưa đi cấp cứu. Đến khoảng 03 giờ 03 phút ngày 22/6/2019, anh T chết tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức, Thành phố Hà Nội. Đối với anh Lương Văn B bị thương tích rách ra chảy máu ở vùng bả vai trái, cánh tay trái, cẳng tay trái và được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ sơ cứu.

Sau khi đâm anh T và anh B, H cầm theo con dao nhọn tiếp tục bỏ chạy về hướng “Cầu Tây” xã YL khoảng 100 mét, H trèo qua tường rào nhà anh Phạm Văn Đại, sinh năm 1980, trú tại xóm QT, xã YL, huyện ĐT thì bị mảnh thủy tinh gắn trên tường rào cửa rách da vùng vai trái làm chảy máu. H tiếp tục bỏ chạy ra suối “Cầu Tây” rồi ngụp đầu xuống nước để làm mát nơi bị bỏng do bị anh T đập phích nước sôi vào đầu gây ra, đồng thời cầm dao nhọn cắm M mũi dao xuống nước làm mũi dao bị cong, gấp lại. Tiếp đó H cầm theo dao nhọn tiếp tục chạy, vừa chạy H vừa dùng tay cầm dao lau máu ở vai trái. Khi H chạy đến trước cổng nhà bà Nông Thị S, sinh năm 1948, trú tại xóm QT, xã YL, huyện ĐT (là bác ruột của H) thì H ném con dao nhọn nêu trên vào trong khu vực sân của nhà bà S rồi tiếp tục chạy về nhà ngủ, đến khoảng 04 giờ ngày 22/6/2019 thì bị Cơ quan điều tra bắt giữ. Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, bà S phát hiện nhặt được con dao của H và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án là vỉa hè trước cửa nhà anh Lương Văn L1, nằm phía bên phải đường QL37 hướng Tuyên Quang-Thái Nguyên. Vị trí phía trước cửa nhà anh L1 tiếp giáp với cửa cuốn phía ngoài cùng và mặt đường Quốc lộ 37 là khu vực vỉa hè được đổ bê tông, có hướng hơi dốc về phía đường QL37, vỉa hè rộng 6m30, chiều dài kéo theo mặt đường quốc lộ 37 về hai hướng (đây là vị trí ban đầu nơi xảy ra đánh nhau). Tại vỉa hè trước cửa nhà anh L1 có kê 01 (một) bộ bàn ghế nhựa để uống nước, phía bên trái theo hướng từ trong ra.

Quá trình khám nghiệm đã đánh số, đo đạc, phát hiện, thu giữ các dấu vết, đồ vật tại hiện trường như sau:

- *Vị trí số ①*: Nơi xảy ra đánh nhau ban đầu là bàn uống nước được kê ở vị trí trước cửa nhà anh L1, cách mép đường quốc lộ 37 là 06m;
 - *Vị trí số ②*: Cách vị trí số ① là 6,3m về hướng tây, đối diện với cửa nhà anh Lương Văn A, phát hiện nhiều mảnh thủy tinh vỡ rơi rải rác, vùng vỡ rộng (03 x 2,5)m và nhiều vết máu nhỏ giọt rơi rải rác.
 - *Vị trí số ③*: Cách vị trí số ① là 11,75m, tại vị trí giữa lòng đường QL37, phát hiện một vùng máu không rõ hình, kích thước (1,5m x 85cm).
 - *Vị trí số ④*: Trước cửa nhà ông Nguyễn Duy K, cách vị trí số ① 6,8m phát hiện nhiều dấu vết máu dạng nhỏ giọt rơi rải rác, không rõ hình.
 - *Vị trí số ⑤*: Gần chậu cây xanh phía bên trái nhà anh L1 phát hiện 01 phích nước bị vỡ, 01 chiếc điều cày đã bị rơi mất phần lõi để tra thuốc, 01 đôi dép tông, 01 chiếc áo cộc tay không cổ màu đỏ bã trầu, 01 dây thắt lưng màu đen, 01 đôi dép giả da màu nâu và 01 đôi dép tổ ong.
- Quá trình khám nghiệm hiện trường đã tiến hành thu giữ:

+ 03 (ba) dấu vết máu tại các vị trí số ②, ③ và ④ trên sơ đồ hiện trường (Được niêm phong theo quy định). **Mẫu ký hiệu: M1, M2, M3;**

+ 01 (một) số mảnh thủy tinh tại vị trí số ② trên sơ đồ hiện trường (Được niêm phong theo quy định). **Ký hiệu NS4, MS 186008.**

+ 01 (một) phích nước nắp phích ghi chữ Rạng Đông, thân phích màu đỏ, miệng phích màu trắng, kích thước 36cm x 13cm, phần lõi và thân phích bị vỡ. (Được niêm phong theo quy định) **Ký hiệu P;**

+ 01 (một) điều cày bằng tre màu vàng nhạt, dài 74cm, đường kính 5cm, phần lõi để tra thuốc bị mất (Được niêm phong theo quy định). **Ký hiệu DC;**

+ 01 (một) đôi dép tông màu vàng, dài 26cm, bản rộng nhất 10cm, chân tông phải có bám dính dấu vết màu đỏ (được niêm phong theo quy định). **Ký hiệu T1;**

+ 01 (một) đôi dép giả da màu nâu, kích thước dài 29cm, bản rộng nhất 10cm (Được niêm phong theo quy định). **Ký hiệu PS2, MS 069273.**

+ 01 (một) đôi dép tổ ong kích thước (26x11)cm. (Được niêm phong theo quy định) **Ký hiệu PS2, MS 069272;**

+ 01 (một) chiếc thắt lưng da màu đen, dài 1,06m, rộng 4cm, có mặt kim loại hình con báo màu sáng (Được niêm phong theo quy định). **Ký hiệu PS3, MS 108598;**

+ 01 (một) áo phong cộc tay màu đỏ bã trầu, không cổ, trên ngực trái có dòng chữ L-ERSI (Được niêm phong theo quy định). **Ký hiệu PS2, MS 069289.**

Kết quả khám nghiệm tử thi Lương Văn T:

- ***Khám nghiệm bên ngoài:***

+ Tử thi không mặc trang phục, chân đi tất màu xám, vùng ngực phải được băng băng bông gạc, vùng sườn phải cách ngang núm vú phải 10cm có gắn 01 dây ti ô nhựa, đầu dương vật có gắn ống ti ô nhựa, chiều dài tử thi 1,63m, thể tạng Trung bình;

+ Mũi, miệng có dịch màu nâu chảy ra;

+ Ngực bên phải cách trên núm vú phải 6cm có vết rách thủng da cơ sâu thấu vào trong khoang ngực, bờ mép sắc gọn kích thước (9x3)cm, góc trên bên phải có vết trượt da dài 1,5cm (vết số 1);

+ Ngực bên phải cách dưới núm vú phải 03cm, có vết mổ cấp cứu dài 16 cm được khâu kín B 13 mũi chỉ (vết số 2);

+ Mặt sau cánh tay phải có vết rách da cơ hình chữ “L” bờ mép sắc gọn, kích thước một cạnh dài 2cm, một cạnh dài 2,5cm (vết số 3);

+ Mặt trong cánh tay phải có vết rách da cơ bờ mép sắc gọn kích thước (2x0,3)cm (vết số 4);

+ Trên đường nách giữa, cách dưới hõm nách 4,5 cm có vết rách da cơ dài (2 x 0,3) cm, bờ mép sắc gọn (vết số 5);

+ Trên đường nách giữa bên phải có vết mổ dẫn lưu dài 2,5 cm;

+ Vùng ngực ngay sát mũi ức có vết xây sát da kích thước (6x2,5) cm;

+ Gối trái có vết xây sát da kích thước (5x5) cm;

+ Góc ngón cái bàn chân trái có vết xây sát da kích thước (1x1) cm;

+ Gối phải xây sát da kích thước (2x1) cm;

- + Cổ tay trái bị xây sát da rải rác trong diện (3,5x2) cm;
 - *Mổ tử thi và xem xét thấy:*
 - + Vết số 1 đi qua khoang liên sườn 3,4 bên phải, làm rách da liên thùy trên và giữa phổi phải dài 6cm, rách màng bao tim dài 6,5cm, rách thủng tâm nhĩ bên phải dài 2,2cm. Vết thương có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, từ trước ra sau;
 - + Vết số 3 làm đứt cơ cánh tay bên phải đi qua vết số 4 và kết thúc tại vết số 5 trên đường nách giữa bên phải có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, từ sau ra trước;
 - + Dạ dày có thức ăn và dịch đang tiêu hóa.
- Quá trình khám nghiệm tử thi đã thu giữ: Mẫu máu tử thi (được niêm phong theo quy định- ký hiệu TT).

Các bản kết luận giám định:

- *Kết luận giám định xác định nguyên nhân chết:*
- Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1055/KL- KTHS ngày 19/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:
 - + *Dấu hiệu chính qua giám định:* Vết thương rách thủng da cơ, bờ mép sắc gọn vùng ngực phải. Vết số 01 sâu thấu vào khoang ngực, gây rách phổi phải, rách màng bao tim, rách thủng tâm nhĩ phải;
 - + *Nguyên nhân chết:* Lương Văn T, sinh năm 1991, trú tại xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, bị vết thương vùng ngực phải làm rách phổi, rách thủng tâm nhĩ phải gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.
- *Kết luận giám định về ADN:*
- Bản Kết luận giám định số: 3777/C09-TT3, ngày 30/8/2019 của Viện Khoa học hình sự kết luận:
 - + Dấu vết nghi máu thu giữ tại vị trí số 2, 4 tại hiện trường (ký hiệu M1; M3), Dấu vết nghi máu trên đôi dép (ký hiệu T1), dấu vết nghi máu trên chiếc quần sóoc bò (ký hiệu Q1) là máu của Lương Văn T; Dấu vết nghi máu thu giữ tại vị trí số 3 tại hiện trường (ký hiệu M2) là máu của Lương Văn T và Lương Văn B;
 - + Dấu vết nghi máu trên chiếc áo (ký hiệu A3) là máu người, không xác định được kiểu gen (AND) do chất lượng dấu vết kém;
 - + Dấu vết nghi máu thu giữ trên con dao (Ký hiệu S) là máu của Nông Văn H.
- *Kết luận giám định về nồng độ cồn:* Bản Kết luận giám định số: 3739/C09-P4 ngày 17/7/2019 của Viện khoa học hình sự kết luận: Trong mẫu máu ghi thu của Nông Văn H (ký hiệu H) gửi giám định không tìm thấy Ethanol.
- *Kết quả giám định thương tích của anh Lương Văn B:*
- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 338/TgT ngày 09/7/2019 của Trung tâm pháp Y tỉnh Thái Nguyên, kết luận:
 - + Dấu hiệu chính qua giám định: Hiện tại có 01 sẹo kích thước lớn, 02 sẹo kích thước nhỏ;

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên hiện tại là 10%. Áp dụng theo phương pháp cộng lùi.

Kết quả giám định thương tích của Nông Văn H:

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 339/TgT ngày 15/7/2019 của Trung tâm pháp Y tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

+ Dấu hiệu chính qua giám định: Tai trái nghe kém mức độ Trung bình;

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên hiện tại là 09%.

Về dân sự:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965, trú tại xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (là mẹ đẻ của anh Lương Văn T, người đại diện cho bị hại) đã kê khai các khoản chi phí viện phí, mai táng phí với số tiền 115.687.736đ và yêu cầu Nông Văn H bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật; anh Lương Văn B yêu cầu Nông Văn H phải bồi thường tổn hại tinh thần và sức khỏe cho anh B số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Gia đình Nông Văn H đã bồi thường một phần cho gia đình anh Lương Văn T số tiền 17.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nông Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 71/CT- VKS (P2) ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Nông Văn H về tội “*Giết người*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Trong phần trình bày lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nông Văn H phạm 2 tội: Tội “*Giết người*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”; áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo tù chung thân về tội giết người; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù về tội cố ý gây thương tích; Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt: Buộc Nông Văn H phải chịu hình phạt chung cho cả 2 tội là tù chung thân;

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 590, 591 Bộ luật Dân sự:

*Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình anh T: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình anh T (đại diện là bà Nguyễn Thị N) các khoản tiền sau:

Tiền Chi phí viện phí và mai táng phí là 115.687.736đ; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại là

149.000.000đ; tổng số tiền là 264.687.736đ; bị cáo đã bồi thường được 27.000.000đ còn phải bồi thường tiếp là 237.687.736đ; Đồng thời bị cáo còn phải bồi thường khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần Xuân B1 (là con đẻ anh T, đại diện cho cháu B1 là chị Trần Phương T) số tiền là 745.000đ/1 tháng kể từ ngày 10/10/2019 cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi (bồi thường theo tháng).

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lương Văn B khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại là 6.450.000đ và khoản tiền viện phí là 369.403đ.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả cho bị cáo H 1 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu hồng; Lưu giữ 1 bì niêm phong chứa 1 USB; Tịch thu tiêu hủy vật chứng còn lại theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét T3 diện vụ án, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù về tội giết người; 6 tháng tù về tội cố ý gây thương tích; Xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo để quyết định mức bồi thường theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên;

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Nguyên, của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định; vật chứng đã thu giữ và hoàn T3 phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 20 ngày 21/6/2019, tại xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, Nông Văn H do có mâu thuẫn cá nhân với anh Lương Văn T xảy ra tối hôm trước, nên khi gặp và nói chuyện với Lương Văn T tại khu vực trước cửa nhà của anh Lương Văn L1 thuộc xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, Nông Văn H đã sử dụng con dao nhọn bằng kim loại dài 17cm, lưỡi sắc một bên mà H đã chuẩn bị từ trước đâm vào hai nhát vào tay phải và ngực phải của anh T. Cùng lúc này anh Lương Văn B đi cùng với anh T nên có mặt ở đó xông đến ngăn cản thì bị H dùng dao đâm nhiều nhát vào vai trái, cánh tay, cẳng tay trái của anh B rồi bỏ chạy. Sau khi bị đâm, anh T có lấy được chiếc phích chứa nước nóng đuổi theo H và đập

vào thái dương bên trái của H, khi đuổi theo H khoảng 11m thì bị ngã do vết thương bị đâm ở ngực. Hậu quả anh T chết tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức, Thành phố Hà Nội vào khoảng 03 giờ 03 phút ngày 22/6/2019. Đối với anh Lương Văn B bị thương tích rách ra chảy máu ở vùng bả vai trái, cánh tay trái và cẳng tay trái, được sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ và bị thương tích 10%. Sau khi xảy ra vụ án, anh B có đơn đề nghị khởi tố đối với Nông Văn H theo quy định của pháp luật.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất, bị cáo đã có hành vi sử dụng hung khí là con dao nhọn đâm vào nơi hiểm yếu trên cơ thể anh Lương Văn T gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (anh T tử vong), khi anh B vào can ngăn thì bị cáo cũng dùng con dao đó gây thương tích cho anh Lương Văn B làm anh B bị tổn hại 10% sức khỏe. Với những hành vi mang tính côn đồ của bị cáo, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nông Văn H về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là hoàn T3 có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung các điều luật như sau:

Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

n) Có tính chất côn đồ;

Điều 134 tội “Cố ý gây thương tích”:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể.... dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ...hung khí nguy hiểm...;

[3] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lý do nhỏ nhất, bị cáo đã thực hiện hành vi mang tính côn đồ tước đoạt mạng sống của anh T và gây thương tích cho anh B. Hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm minh B pháp luật hình sự, cần buộc bị cáo phải chịu mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi do bị cáo gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã T khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường cho gia đình anh T trong quá trình điều tra là 17 triệu đồng, khi chuẩn bị xét xử là 10 triệu đồng; Bồi thường cho anh B 5.000.000đ tại cơ quan thi hành án nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2011 đã bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái

Nguyên phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội cố ý gây thương tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học lại phạm tội lần này với tính chất đặc biệt nghiêm trọng và phạm đồng thời hai tội. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần áp dụng hình phạt tù không thời hạn về tội giết người đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo phạm 2 tội nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 590, 591 Bộ luật Dân sự:

*Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và gia đình bà N thỏa thuận phần bồi thường dân sự. Xét các nội dung thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình anh T như sau: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình anh T (đại diện là bà Nguyễn Thị N) các khoản tiền:

Tiền Chi phí viện phí và mai táng phí là 115.687.736đ; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại gồm: bà Nguyễn Thị N, ông Lương Văn C và cháu Trần Xuân B1 (tức Lương Xuân B1) tương ứng với 100 tháng lương cơ bản là 149.000.000đ; tổng số tiền là 264.687.736đ; bị cáo đã bồi thường trong quá trình điều tra được 17.000.000đ còn phải bồi thường tiếp là 247.687.736đ (ngày 6/3/2020 gia đình bị cáo nộp tiếp 10.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0003379 để bồi thường tiếp cho gia đình anh T; như vậy, bị cáo còn phải bồi thường cho gia đình anh T là 237.687.736 đ); Đồng thời bị cáo còn phải bồi thường khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần Xuân B1 (là con đẻ anh T, đại diện cho cháu B1 là chị Trần Phương T) số tiền là 745.000đ/1 tháng kể từ ngày 10/10/2019 cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi (bồi thường theo tháng).

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lương Văn B khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại tương ứng với 10 tháng lương tối thiểu là 14.900.000đ và khoản tiền viện phí là 369.403đ. Tổng cộng là 15.269.403đ. Ngày 6/3/2020 gia đình bị cáo nộp 5.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0003379 để bồi thường cho anh B; như vậy, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho gia đình anh B số tiền là 10.269.403đ.

[6] Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: Trả cho bị cáo H 1 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu hồng; Lưu giữ 01 Bì niêm phong ký hiệu U2 bên trong có chứa 01 USB màu bạc, nhãn hiệu “Kingston®”, trên USB có chữ “DTSE9 4GB” bên trong chứa dữ liệu điện tử đoạn video clip trích xuất từ Camera an ninh của anh Nguyễn Duy Q giao nộp ngày 23/6/2019 để chuyển theo hồ sơ vụ án khi cần thiết. Các vật chứng đã thu giữ không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về phần hình phạt là có căn cứ. Hội đồng xét xử cần xử chấp nhận các lời đề nghị nêu trên. Về phần bồi thường cho anh B. Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Xét lời đề nghị của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo về mức án là chưa tương xứng với tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên không có căn cứ chấp nhận. Về phần bồi thường dân sự, Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn H phạm 2 tội: Tội “*Giết người*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”;

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự: xử phạt Nông Văn H tù chung thân về tội giết người;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt Nông Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội cố ý gây thương tích;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt: Buộc Nông Văn H phải chịu hình phạt chung cho cả 2 tội là tù chung thân; Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2019.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329/BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 590, 591 Bộ luật Dân sự:

*Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình anh T như sau: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình anh T (đại diện là bà Nguyễn Thị N) các khoản tiền:

Tiền Chi phí viện phí và mai táng phí là 115.687.736đ; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại gồm: bà Nguyễn Thị N, ông Lương Văn C và cháu Trần Xuân B1 (tức Lương Xuân B1) tương ứng với 100 tháng lương cơ bản là 149.000.000đ; tổng số tiền là 264.687.736đ; bị cáo đã bồi thường trong quá trình điều tra được 17.000.000đ; ngày 6/3/2020 gia đình bị cáo nộp tiếp 10.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0003379 để bồi thường tiếp cho gia đình anh T; như vậy, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho gia đình anh T là 237.687.736 đ; Đồng thời bị cáo còn phải bồi thường khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần Xuân B1 (là con đẻ anh T, đại diện cho cháu B1 là chị Trần Phương T) số tiền là 745.000đ/1 tháng kể từ ngày 10/10/2019 cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi (bồi thường theo tháng).

*Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lương Văn B khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại tương ứng với 10 tháng lương tối thiểu là

14.900.000đ và khoản tiền viện phí là 369.403đ. Tổng cộng là 15.269.403đ. Ngày 6/3/2020 gia đình bị cáo nộp 5.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0003379 để bồi thường cho anh B; như vậy, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho gia đình anh B số tiền là 10.269.403đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự :

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (một) túi niêm phong **ký hiệu NS4, MS 186008**. Bên trong có một số mảnh thủy tinh vỡ;

- 01 (một) túi niêm phong **ký hiệu PS3, MS 108598**. Bên trong túi niêm phong có 01 (một) thắt lưng da màu đen, có mặt kim loại hình con báo màu xám;

- 01 (một) túi niêm phong **ký hiệu PS2, MS 069289**. Bên trong túi niêm phong có 01 (một) chiếc áo phông cộc tay màu đỏ, không cổ, trên ngực trái có, trên ngực trái có dòng chữ L-ERSI;

- 01 (một) túi niêm phong **ký hiệu PS2, MS 069272**. Bên trong có 01 (một) đôi dép tổ ong màu vàng, cũ;

- 01 (một) túi niêm phong **ký hiệu PS2, MS 069273**. Bên trong có 01 (một) đôi dép da màu nâu;

- 01 (một) hộp niêm phong **ký hiệu DC**. Bên trong có 01 (một) điều cày bằng tre, màu vàng nhạt, lỗ điều bị mất;

- 01 (một) hộp cát tông màu nâu được niêm phong theo quy định. Bên trong có 01 (một) con dao quắm bằng kim loại, chuôi dao có bọc nhựa màu đen;

- 01 (một) hộp cát tông màu nâu được niêm phong theo quy định. Bên trong có các mẫu vật hoàn trả sau giám định, gồm:

+ 01 (một) đôi dép **ký hiệu T1**;

+ Mẫu máu **ký hiệu M1** (phần còn lại sau giám định);

+ Mẫu máu **ký hiệu M2** (phần còn lại sau giám định);

+ Mẫu máu **ký hiệu M3** (phần còn lại sau giám định);

+ Chiếc áo **ký hiệu A3**;

+ Chiếc quần sooc bò **ký hiệu Q1**;

+ Mẫu máu của tử thi Lương Văn T **ký hiệu TT** (phần còn lại sau giám định);

+ Mẫu tế bào niêm mạc của Lương Văn B **ký hiệu B1** (phần còn lại sau giám định);

+ Mẫu máu của Nông Văn H **ký hiệu H** (phần còn lại sau giám định);

- 01 (một) hộp cát tông màu nâu (được niêm phong theo quy định).

Bên trong có các mẫu vật:

+ 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, loại dao một lưỡi sắc, đã bị bẻ cong, gập phần lưỡi dao;

+ 01 (một) vỏ phích nhựa màu trắng đã bị vỡ, trên quai phích và nắp phích nước màu trắng có chữ “Rạng Đông”.

*Lưu giữ 01 Bì niêm phong ký hiệu U2 bên trong có chứa 01 USB màu bạc, nhãn hiệu “Kingston[®]”, trên USB có chữ “DTSE9 4GB” bên trong chứa dữ liệu điện tử đoạn video clip trích xuất từ Camera an ninh của anh Nguyễn Duy Q giao nộp ngày 23/6/2019 để chuyển theo hồ sơ vụ án khi cần thiết.

*Trả cho bị cáo Nông Văn H 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu hồng đựng trong 01 (một) bì thư niêm phong **ký hiệu DT**.

(Các vật chứng trên hiện đang ở kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản về việc giao nhận vật chứng số 14 ngày 28/11/2019).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nông Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 12.397.857đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo H (qua Trại giam);
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Khánh Hồng